

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HS-ST
Ngày 08-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Nguyễn Thị Lam

Bà: Bùi Thị Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Vi Lương Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 41/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/HSST-QĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Văn Đ, sinh ngày 23 tháng 5 năm 1993 tại huyện B, tỉnh H nơi cư trú: Thôn Việt Tân, thị trấn Việt Quang, huyện B, tỉnh H nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn L (đã chết) và bà Trần Thị H, sinh năm: 1960; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Bị hại: Ông Phùng Văn T, sinh năm 1953; nơi cư trú: Thôn V, thị trấn V, huyện B, tỉnh H (có mặt).

- Người làm chứng:

+ Bà Trần Thị H, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn Việt Tân, thị trấn V, huyện B, tỉnh H (có mặt).

+ Anh Đào Quang Đ, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn Việt Tân, thị trấn V, huyện B, tỉnh H (có mặt).

+ Anh Trần Trung T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn Việt Tân, thị trấn V, huyện B, tỉnh H (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 22/05/2020, Phạm Văn Đ cùng mẹ đẻ là bà Trần Thị H, sinh năm 1960, trú tại Thôn Việt Tân, thị trấn V, huyện B, tỉnh H đẩy gạch bi từ nhà sang bãi đất trống phía đối diện để xây tường rào (diện tích đất đang tranh chấp với hộ ông Phùng Văn T trú cùng thôn với Đ). Lúc này ông Phùng Văn T cũng đi ra bãi đất trống đó, thấy mẹ con bà H đang đẩy gạch để xây tường rào thì ông T có chỉ vị trí và nói bà H lấn sang phần đất của ông T, còn bà H thì cho rằng đất đó là đất của gia đình bà H sử dụng từ lâu nên giữa ông T và bà H xảy ra cãi chửi nhau, thấy vậy Phạm Văn Đ và ông T có lời qua tiếng lại. Trong lúc xảy ra xô xát thì ông T có dùng hai tay túm vào cổ áo của Phạm Văn Đ, sau đó Đ đẩy ông T ngã xuống đất với tư thế nằm ngửa thì Đ ngồi lên bụng ông T và dùng hai tay đâm vào vùng mặt ông T khoảng 4 – 5 phút, làm vùng mặt bên trái của ông T bị chảy máu, lúc này Đào Quang Đ, sinh năm 1980 (là con rể ông T) thấy có tiếng cãi chửi nhau nên chạy ra xem thì thấy Đ đang đánh ông T nên có dùng chân trái đạp vào phần bả vai phải của Đ, sau đó Đ chạy về nhà, còn Đ đưa ông T đi Bệnh viện đa khoa khu vực huyện Bắc Quang điều trị, sau đó đi điều trị tại Bệnh viện Việt Pháp – Hà Nội.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 107 ngày 30/6/2020 yêu cầu giám định tỷ lệ tổn hại phần trăm sức khỏe do thương tích gây nên và cơ chế hình thành vết thương đối với Phùng Văn T. Ngày 30/7/2020, Trung tâm pháp y tỉnh Hà Giang có Kết luận số 80/TgT kết luận:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định

- Gãy cung tiếp gò má trái can tốt: 08%.

- Gãy xương mũi, vách ngăn mũi lệch vẹo bên phải: 07%

2. Căn cứ bảng tỷ lệ tổ thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 14% (Mười bốn phần trăm).

3. Cơ chế hình thành các thương tích

Tổn thương vùng mặt: Do vật tày tác động trực tiếp vào vùng mũi, má trái với một lực mạnh, hướng vuông góc với mặt da gây nên gãy cung tiếp gò má trái và gãy xương mũi”.

Với hành vi trên, tại Cáo trạng số 46/CT-VKS ngày 28/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang truy tố Phạm Văn Đ về tội: Cố ý gây thương tích, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 134 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang vẫn giữ nguyên quan điểm về tội danh đã truy tố đối với Phạm Văn Đ theo cáo trạng và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ từ 09 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ. Do bị cáo là lao động tự do, không có việc làm và thu nhập không ổn định nên đề nghị miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo, ngoài ra còn đề nghị bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo quy định của pháp luật. Về phần dân sự đề nghị HĐXX ghi nhận thỏa thuận về bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và bị hại. Về án phí đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn Đ thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố, nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên và lời nói sau cùng của bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội Đ xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện Bắc Quang trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Căn cứ định tội: Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn Đ thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, bị cáo Phạm Văn Đ khai nhận: Khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 22/05/2020 tại bãi đất thuộc Thôn Việt Tân, thị trấn V, huyện B, tỉnh H, giữa Phạm Văn Đ và ông Phùng Văn T xảy ra tranh chấp đất đai, ông T

dùng hai tay túm vào áo Đ, sau đó Đ đẩy ông T ngã xuống đất với tư thế nằm ngửa, Đ ngồi lên bụng ông T và dùng hai tay đâm nhiều phát vào vùng mặt bên trái của Phùng Văn T gây thương tích cho bị hại Phùng Văn T, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 14% (mười bốn phần trăm). Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời nhận tội tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với Bệnh án, Bản kết luận giám định pháp y về thương tích, Biên bản thực nghiệm điều tra, Bản ảnh thực nghiệm điều tra, Sơ đồ thực nghiệm điều tra, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Sơ đồ hiện trường, Bản ảnh hiện trường và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở để HĐXX kết luận bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Tại khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: *"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"*.

[4] Hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của người khác được Bộ luật Hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi gây thương tích cho người khác là trái pháp luật nhưng cố ý thực hiện.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo: Bị cáo Phạm Văn Đ không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bố bị cáo là người có công đối với đất nước. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, không cách ly khỏi xã hội vẫn đảm bảo mục đích giáo dục. Đây cũng là căn cứ để HĐXX áp dụng hình phạt đối với bị cáo.

[6] Bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn, là lao động tự do, không có việc làm và thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trước khi mở phiên tòa, bị cáo và bị hại đã thỏa thuận với nhau về việc bồi thường thiệt hại và đề nghị Tòa án ghi nhận, theo đó: Bị cáo Phạm Văn Đ có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Phùng Văn T tổng số tiền là 40.000.000 Đ (bốn mươi triệu đồng), bị cáo đã bồi thường là 20.000.000 đ

(hai mươi triệu đồng), bị cáo còn phải bồi thường tiếp 20.000.000 Đ (hai mươi triệu đồng) được thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nhưng được trừ vào số tiền bị cáo đã nộp để đảm bảo thi hành án là 2.000.000 Đ (Hai triệu đồng), theo biên lai thu số: 03881 ngày 19/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang.

[8] Xét thấy, bị cáo và bị hại thỏa thuận bồi thường thiệt hại là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được công nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đương sự, bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590 Bộ luật dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25/11/2015 của Quốc hội; điểm a, điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày UBND thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Phạm Văn Đ cho UBND thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người chấp hành án đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 75 của Luật thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Phạm Văn Đ. Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo Phạm Văn Đ phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong 01 ngày và không quá 05 ngày trong một tuần.

3. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận về bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và bị hại.

Bị cáo Phạm Văn Đ có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Phùng Văn T tổng số tiền là 40.000.000 Đ (bốn mươi triệu đồng), bị cáo đã bồi thường là 20.000.000 Đ (hai mươi triệu đồng), bị cáo còn phải bồi thường tiếp 20.000.000 Đ (hai mươi triệu đồng) được thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nhưng được trừ vào số tiền bị cáo đã nộp để đảm bảo thi hành án là 2.000.000 Đ (Hai triệu đồng), theo biên lai thu số: 03881 ngày 19/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn Đ phải chịu 200.000 Đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Đương sự, bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND T.Tr Việt Quang, huyện BQ;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, THA phạt tù.

**TM. HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hồng